

324.259 707 509 597 75

ĐC

L 302 S

G BỘ HUYỆN VINH CỬU



# LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ HUYỆN VINH CỬU

1930 - 2000



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP ĐỒNG NAI - 2000

LỊCH SỬ  
ĐẢNG BỘ HUYỆN VĨNH CỬU  
1930 - 2000

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN VĨNH CỬU**

**LỊCH SỬ  
ĐẢNG BỘ HUYỆN VĨNH CỬU  
1930 - 2000**

**NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP ĐỒNG NAI 2000**

**BAN CHỈ ĐẠO:**  
**BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY VĨNH CỬU**  
**BAN BIÊN ĐẠP:**  
**TRẦN QUANG TOẠI**  
Thạc sĩ khoa họ lịch sử  
**NGUYỄN PHÁT TRIỂN**  
Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy

## **Chương mở đầu**

### **HUYỆN VINH CỬU – ĐẤT NƯỚC CON NGƯỜI– TRUYỀN THỐNG**

Theo đường liên tỉnh lộ 24, qua khỏi cầu Rạch Gốc, ta bước vào địa phận huyện Vĩnh Cửu. Vĩnh Cửu là một huyện của tỉnh Đồng Nai, nằm ở tả ngạn sông Đồng Nai có diện tích 1.073,1km<sup>2</sup> (15.473 hecta), chiều dài đông tây đoạn dài nhất 32 km, chiều nam bắc đoạn dài nhất 14 km (diện tích rừng tự nhiên 54.862ha, diện tích mặt nước chuyên dùng 15.857ha).

Huyện Vĩnh Cửu phía tây, tây nam, tây bắc giáp huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; phía đông giáp huyện Định Quán; đông bắc giáp rừng Quốc gia Nam Cát Tiên và huyện Tân Phú; phía nam giáp thành phố Biên Hoà, đông nam giáp huyện Thống Nhất. Nhìn chung về địa thế, huyện Vĩnh Cửu như một bán cù lao với sông Đồng Nai và sông Bé bao bọc từ hướng tây nam lên đông bắc. Ngoài ra, huyện Vĩnh Cửu còn có hồ thủy điện Trị An tạo thành nhiều đảo lớn nhỏ (hai đảo lớn là Đồng Trường và Ó), tạo thành một cảnh quan sinh thái và môi trường phù hợp với việc khai thác du lịch.



Dân số huyện Vinh Cửu là 101.255 người<sup>(1)</sup> gồm nhiều thành phần dân tộc như: Kinh, Stiêng, Chơ ro (chủ yếu ở Phú Lý)..., trong đó người dân tộc Kinh chiếm trên 95%; mật độ dân số 94,35 người/km<sup>2</sup>.

## I. ĐỊA LÝ LỊCH SỬ HUYỆN VINH CỬU.

Lịch sử địa lý huyện Vinh Cửu gắn liền với quá trình hình thành và phát triển của tỉnh Đồng Nai trên 300 năm.

Trước thế kỷ 17, vùng đất thuộc huyện Vinh Cửu ngày nay còn là một vùng đất rừng rậm hoang vu, bởi như nhà sử học Lê Quý Đôn trong tác phẩm Phủ Biên tạp lục viết vào thế kỷ 18 vẫn cho rằng đất Đồng Nai (tức Nam bộ) từ Soi Rạp đến Lửa Đại, cửa Tiểu là rừng rậm kéo dài hàng nghìn dặm. Người Việt có mặt trên đất Vinh Cửu có lẽ vào thế kỷ 17. Họ là những người nông dân phản kháng sự áp bức của chế độ phong kiến và chống đối chiến tranh của hai tập đoàn Trịnh (phía Bắc) và Nguyễn (phía Nam), liền đã tìm về phía Nam để sinh sống. Từ Mô Xoài (E. Rịa), người Việt có khi đi lẻ tẻ, khi đi thành từng hóm đã theo sông Lòng Tàu rồi ngược sông Đồng Nai, và cuối cùng tìm được mảnh đất phì nhiêu ven sông Đồng Nai để định cư và canh tác. Địa điểm đầu tiên có thể là Bến Cá<sup>(2)</sup>. Cùng

---

(1) Theo số liệu Cục Thống kê Đồng Nai năm 1998.

(2) Theo "Làng Bến Cá xưa và nay" của Diệp Đình Hoa và Phan Đình Dũng, Nxb Đồng Nai 1998 trang 17 từ: "Địa danh này có thể đã hình thành từ thế kỷ XVII với sự định cư của người Việt". "...những con người ở đây vẫn giữ được một địa danh Bến Cá để ghi nhận quá trình phát triển của mình".

với Cù lao Phố, vùng Bến Cá là một trong những địa phương sớm có người Việt đến lập làng, khai phá.

### 1. Từ 1679 đến 1945.

Ngược dòng thời gian, năm Kỷ Mùi 1679, chúa Nguyễn Phúc Tần (1648-1687) đã chấp thuận cho nhóm người Hoa “bài Mãn phục Minh” do Trần Thượng Xuyên cầm đầu vào đất Giản Phố (Cù lao Phố) sinh sống và tiếp tục cùng người Việt khai phá. Theo Gia Định thành thông chí của Trịnh Hoài Đức thì cuối thế kỷ 17, số dân sinh sống ở đất Đồng Nai (tức Nam bộ) đã trên 4 vạn hộ. Đó chính là cơ sở để năm Mậu Dần 1698, chúa Nguyễn Phúc Chu cử Chưởng cơ Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lược phía Nam nhằm thiết lập bộ máy quản lý hành chính, đưa vùng đất mới ở phương Nam vào lãnh thổ nước Đại Việt. Ông lấy xứ Đồng Nai đặt làm phủ Gia Định gồm hai huyện Tân Bình có dinh Phiên Trấn và huyện Phước Long có dinh Trấn Biên.

Năm 1808, vua Gia Long (Nguyễn Ánh) đổi tên đất Nam bộ từ phủ thành Gia Định thành. Dinh Trấn Biên thành trấn Biên Hoà, huyện Phước Long thăng lên thành phủ có 4 huyện là Long Thành, Bình An, Phước Chánh và Phước An. Huyện Phước Chánh bao gồm cả vùng đất ngày nay thuộc huyện Vĩnh Cửu. Theo sách Gia Định thành thông chí của Trịnh Hoài Đức (viết năm 1820) huyện Phước Chánh có hai tổng Phước Vinh (46 thôn) và Chánh Mỹ (36 thôn). Huyện Vĩnh Cửu là vùng đất thuộc tổng Phước Vinh.

Năm 1836, vua Minh Mạng cho lập địa bạ các tỉnh để quản lý đất đai. Theo địa bạ này, huyện Phước Chánh từ 2 tổng tách thành 3 tổng (1). Địa bàn huyện Vinh Cửu ngày nay thuộc hai Tổng Chánh Mỹ Trung và Chánh Mỹ Hạ.

Sách Biên Hoà sử lược của Lương Văn Lựu xuất bản năm 1960 cụ thể hơn về các thôn xã của hai tổng này vào năm 1878 như sau:

- + Tổng *Phước Vinh Trung* có 8 làng:
  - Bình Thạch (xứ Thạch Bàn Khê)
  - Bình Ý (xứ Sa Chử)
  - Bửu Long (Long Ẩn) có 2 ấp: Bình Điện, Bạch Khôi.
  - Tân Phong (xứ Đồng Tâm)
  - Tân Triều Đông (xứ Cù Lao) có 3 ấp: Long Hoà, Tân Xuân, Tân Vinh.
  - Tân Triều Tây (xứ Cù Lao) có 3 ấp: Cẩm Vinh, Tân Đức, Tân Thành.
  - Thạnh Phước (xứ Sông Hến) có 4 ấp: Bình Hậu, Bình Mỹ, Tân Thạch, Hàm Hoà.
  - Thới Sơn (xứ Đàm Ngự Hoà Quới) có 2 ấp: Bình Thới, Bình Sơn.
- + Tổng *Phước Vinh Hạ* có 12 làng:

---

(1) Sáu tổng là Chánh Mỹ Thượng, Chánh Mỹ Trung, Chánh Mỹ Hạ, Phước Vinh Thượng, Phước Vinh Trung, Phước Vinh Hạ.



## LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ HUYỆN VĨNH CỬU 1930 - 2000

---

-Bình Lợi (Châu Sa) có 2 ấp: Thạnh Hoà (Bàu Tre) và ấp Chợ.

-Bình Ninh có 3 ấp: Nhất, Nhì (gò Cây), Ba.

-Bình Phú có 2 ấp: Bình Lục, Long Phú.

-Bình Thạnh có 3 ấp: Bình An (Cây Đào), Thạnh Hoà (Cây Quéo), Thạnh Phú.

-Bình Thảo có 2 ấp: Bình Định (chợ Bến Cá), Bình An (xóm Búng).

-Đại An có 3 ấp: Thanh An (Bến Nôm), Bình An Chánh, Trị An (Bến Vịnh).

-Long Lộc có 2 ấp: Long Chánh, Đa Lộc.

-Tân Định có 1 ấp Cầu Xoay và 2 xóm: Đồn và xóm Cháy.

-Tân Hiền có 2 ấp: Tân Khai, Hiền Quan.

-Tân Phú có 2 ấp: Tân Huệ, Phú Trạch (hóc Kè).

-Xuân Hoà (Bình Thạnh)

-Thiện Quang có 5 ấp: Thiện Hoà, Lân Thành, Thạnh Hoà, Thới Hoà, Đồng Lách.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN VINH CỬU

**BẢNG ĐỐI CHIẾU**  
**LÀNG XÃ TỔNG PHƯỚC VINH TRUNG, PHƯỚC**  
**VINH HẠ (tức huyện Vinh Cửu ngày nay)**  
**các năm 1897, 1901, 1924, 1939.**

Năm 1897	Năm 1901	Năm 1924	Năm 1939
<b>Tổng Phước Vinh Trung</b>	<b>Tổng Phước Vinh Trung</b>	<b>Tổng Phước Vinh Trung</b>	<b>Tổng Phước Vinh Trung</b>
Bình Ý	Bình Ý	Bình Ý	Bình Ý
Tân Phong	Tân Phong	Tân Phong	Tân Phong
Tân Triều Đông	Tân Triều Đông	Tân Triều Đông	Tân Triều
Tân Triều Tây	Tân Triều Tây	Tân Triều Tây	Bửu Long
Bình Điện	Bửu Long	Thới Sơn	Bình Thạnh
Bạch Khôi	Thới Sơn	Bình Thạch	
Bình Thái	Bình Thạnh	Bình Phước	
Bình Sơn	Bình Phước		
Bình Thạch			
Bình Hậu			
Bình Mỹ			
Hàm Hoà			
Tân Thạnh Đông			

## LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ HUYỆN VINH CỬU 1930 - 2000

<b>Tổng Phước Vinh Hạ</b>	<b>Tổng Phước Vinh Hạ</b>	<b>Tổng Phước Vinh Hạ</b>	<b>Tổng Phước Vinh Hạ</b>
Tân Định	Tân Định	Tân Định	Tân Định
Bình An Chính	Đại An	Đại An	Đại An
Trị An	Tân Hiến	Tân Hiến	Tân Phú
Tân Hiến	Long Lộc	Long Lộc	Bình Thạnh
Đa Lộc	Tân Phú	Tân Phú	Lợi Hoà
Long Chánh	Bình Thạnh	Bình Thạnh	Bình Long
Phú Trạch	Bình Phú	Bình Phú	Bình Phước
Bình Thạnh	Bình Lợi	Bình Lợi	Thiện Tân
Bình Lục	Bình Ninh	Bình Ninh	
Long Phú	Bình Thảo	Bình Thảo	
Bình Lợi	Thiên Quan	Thiên Quang	
Bình Ninh	Xuân Lộc	Xuân Lộc	
Bình Thảo		Tân Hoà	
Thiên Quan			
Xuân Hoà			
Tân Huệ Đông			
Tân Khai			

## 2. Từ 1945 đến 1954.

Huyện Vĩnh Cửu là huyện Châu Thành đất rộng người đông bao quanh thị xã Biên Hoà.

Đối với chính quyền thực dân Pháp và tay sai, địa lý hành chính của vùng đất thuộc huyện Vĩnh Cửu gần như không thay đổi như trước năm 1945. Nhưng với kháng chiến, địa lý hành chính có thay đổi theo yêu cầu nhiệm vụ cách mạng:

+ Từ 1945 đến 1948, huyện Vĩnh Cửu ngày nay thuộc quận Châu Thành. Ngoài các xã Bình Hoà, Bình Ý, Tân Triều, huyện Vĩnh Cửu còn bao gồm các xã Tân Hạnh, Tân Hiệp, Bình Trị, Tăng Bom (cả Hồ Nai, thuộc huyện Thống Nhất), Tân Hiệp, Tân Phong, Tân Thành, Hoá An, Bửu Hoà, Tân Vạn, Hiệp Hoà (nay thuộc thành phố Biên Hoà), Tân Hưng, An Hoà, Long Hưng, Phước Tân (nay thuộc huyện Long Thành). Các xã Bình Phước, Bình Thạnh, Li Hoà, Tân Phú, Bình Long, Thiện Tân, Tân Định, Đại An, Trị An thuộc huyện Tân Uyên.

+ Từ năm 1948 đến 1954, huyện Vĩnh Cửu được thành lập. Địa bàn huyện gồm những xã kể trên cộng thêm 7 xã: Bình Thạnh, Lợi Ho, Tân Phú, Bình Long, Thiện Tân, Tân Định, Đại An (của huyện Tân Uyên chuyển giao)

## 3. Từ 1954 đến 1975.

+ Với chính quyền Sài Gòn, từ năm 1954 đến 1963, địa bàn huyện Vĩnh Cửu thuộc tổng Phước Vĩnh

Trung của quận Châu Thành gồm các xã: Tân Phong, Bửu Long, Bình Hoà, Bình Ý, Tân Triều, Bình Phước, Bình Long, Lợi Hoà, Bình Thạnh, Tân Phú, Thiện Tân, Tân Định, Đại An, Trị An (năm 1959, dịch thành lập tỉnh Phước Thành, trong đó có các xã: Bình Phước, Bình Thạnh, Tân Phú, Lợi Hoà, Bình Long, Thiện Tân, Tân Định, Đại An, Trị An)

Năm 1963 đến 1975, chính quyền Sài Gòn lập huyện Công Thanh gồm các xã Bình Ý, Bình Hoà, Tân Triều, Bình Phước, Bình Long, Lợi Hoà, Tân Phú, Bình Thạnh, Thiện Tân, Tân Định, Đại An, Trị An, Thái Hưng.

+ Với kháng chiến, từ năm 1960, huyện Vĩnh Cửu chuyển giao các xã Tân Vạn, Bửu Hoà, Hoá An, Tân Hạnh, Bình Trị, Tân Hiệp về huyện Dĩ An, Lái Thiêu; các xã Tân Phong, Bửu Long, Bửu Hoà, Hoá An, Hiệp Hoà, Tam Hiệp về cho thị xã Biên Hoà; các xã An Hoà, Long Hưng, Phước Tân... về cho huyện Long Thành; các xã Trắng Bom, Hồ Nai về cho Ban cán sự di cư (sau là huyện Trắng Bom, Thống Nhất). Huyện Vĩnh Cửu còn lại các xã Trị An, Đại An, Tân Định, Thiện Tân, Tân Phú, Bình Thạnh, Bình Ý, Bình Long, Lợi Hoà, Bình Phước, Tân Triều, Bình Hoà, Bửu Long, Tân Thành, Tân Phong.

Tháng 9-1965, huyện Vĩnh Cửu cùng thị xã Biên Hoà thuộc tỉnh Biên Hoà (U1) gồm các xã: Bình Hoà, Bình Ý, Bình Phước, Tân Triều, Bình Thạnh, Lợi Hoà, Tân Phú, Bình Long, Thiện Tân, Tân Định, Đại An,

Trị An. Tháng 5-1971, huyện Vinh Cửu nhập cùng huyện Trăng Bòm bao gồm toàn các xã của huyện này. Tháng 10-1972 đến tháng 4-1975, huyện Vinh Cửu tái lập thuộc tỉnh Biên Hoà (nông thôn), có địa giới hành chính như tháng 9-1965.

Năm 1985, huyện Vinh Cửu đổi thành thị xã Vinh An, địa giới hành chính bao gồm hai lâm trường Mã Đà và Hiếu Liêm, 2 phường Trị An và Cây Gáo cùng 11 xã: Bình Hoà, Bình Phước, Tân Triều, Bình Ý, Lợi Hoà, Bình Thạnh, Tân Phú, Bình Long, Thiện Tân, Tân Định, Đại An.

Ngày 29-8-1994, Chính phủ ra Nghị định số 109/CP, thành lập lại huyện Vinh Cửu gồm 1 thị trấn Vinh An và 9 xã là Bình Hoà, Bình Lợi (Bình Long-Lợi Hoà), Phú Lý, Tân An (Đại An-Tân Định), Tân Bình (Tân Triều-Bình Ý-Bình Phước), Thạnh Phú (Bình Thạnh-Tân Phú), Thiện Tân (phường Trị An), Vinh Tân (phường Cây Gáo).

## II. ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN.

Huyện Vinh Cửu thực khu vực nhiệt đới gió mùa. Mỗi năm có hai mùa (nóng không ổn định), mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 1 và mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau. Lượng mưa không đều, lớn nhất ở khu vực Trị An, thường và tháng tám lưu lượng mưa lớn nhất từ 2.000 - 2.500mm.

Về thổ nhưỡng, huyện Vinh Cửu thuộc vùng thoái và dốc, có thể chia làm 3 loại đất chính:



+ Đất phù sa mới: Phân bố dọc sông Đồng Nai từ ngã ba sông Bé và sông Rạch Đông đến Tân An, Thiện Tân; dọc hai bên sông Rạch Đông xuống Bình Lợi, Tân Bình, Bình Hoà... thuộc loại đất phù sa mới thích hợp với việc trồng các loại cây lương thực như lúa, cây công nghiệp như mía, đậu các loại, cây ăn trái như bưởi, nhãn...

+ Đất đỏ trên đá phiến thạch và biến chất: Nhóm đất này thường có độ cao từ 100 đến 300 mét, độ dốc chung 20m như ở Trị An, Tân An. Đất thích hợp với việc trồng rừng hay trồng cỏ chăn nuôi gia súc, các loại cây công nghiệp như cao su, trà, cây lương thực như bắp, mì, khoai...

+ Đất nâu vàng trên phù sa cổ: Có địa hình gợn sóng, độ cao từ 10 đến 45m, độ dốc trung bình dưới 10m. Loại đất này có ở các xã Tân Bình, Thạnh Phú, Bình Lợi, Thiện Tân, có thể canh tác các loại cây ăn trái có rễ sâu, chịu hạn như mía, đào lộn hột, xoài...

Ngoài sông Đồng Nai chảy qua huyện từ Trị An đến Bình Hoà, Vĩnh Cửu còn có những sông nhỏ như sông Thao với hai nguồn từ nam Bàu Cá, có độ cao bình quân 60m, suối đầu nguồn tên Sông Thao; nguồn thứ hai từ khu vực suối Đĩa có độ cao 48m với con suối nhỏ tên Sân Mây. Hai suối Sông Thao và Sân Mây nhập lưu ở độ cao 30m thành sông Rạch Đông, đoạn hạ lưu đổ vào sông Đồng Nai ở xã Thiện Tân gọi là suối Bà Lòng.

Sông Đồng Nai có nhiều bậc thềm, có thể xây

dựng nhiều công trình thủy điện. Trước đây, dòng sông Đồng Nai lên đến thác Trị An là một thử thách to lớn đối với việc lưu thông thủy, như tác giả Rô-be viết năm 1923 trong quyển “Và nét về địa dư tỉnh Biên Hoà”: “...Sông còn chày qu An Ké hang, Vinh An, Bến Nôm, Cây Gáo, Đại An, Trị An. Giữa hai làng có những ghềnh đá diệp thạch khác làm trở ngại sự lưu thông trên một chiều dài 12km. Con sông chảy thành nhiều thác con khi nước ròng và thành những thác lớn trong mùa mưa. Thác Trị An có những tảng đá hiểm trở nhất được người ta gọi là Hàn Ông Sâm, rất nhiều khối với đầy đủ kích thước nằm chồng chất ở lòng sông và dường như thách thức mọi dự án vét lòng sông để thông thương...”. Nay nay, dựa vào địa thế thiên nhiên, với nỗ lực của cả nước, huyện Vinh Cửu đã có thủy điện Trị An khởi công từ ngày 22-2-1982 và cơ bản hoàn thành vào năm 1987.

Hồ Trị An nằm trên địa phận xã Cây Gáo, cách thành phố Biên Hoà 35km về phía đông. Đập hồ Trị An có chiều dài 420m, cao 37m (tổng phụ thuộc Rập cao 45m), diện tích mặt nước 32km<sup>2</sup>. Đây là công trình thủy điện lớn ở miền Nam, đảm bảo nguồn điện cung cấp cho các tỉnh, thành phía Nam (công suất 4 tổ máy là 400MW), cung cấp nguồn nước canh tác cho Đồng Nai, Bình Dương và một phần của thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, hồ còn có công dụng điều tiết lũ, nuôi trồng thủy sản, cải thiện môi trường sông và tạo ra những cảnh quan du lịch thích hợp.

Rừng Vinh Cửu một thời “ne bộ đội, vây quân

thù” với nhiều loại thực, động vật quý hiếm. Đầu thế kỷ XX, thực dân Pháp trong chính sách khai thác và bóc lột tài nguyên thiên nhiên, đã từng khai thác rừng ở Cây Gáo, Tráng Bom để chế biến và xuất khẩu gỗ. Trong kháng chiến chống Mỹ, rừng Vĩnh Cửu bị phá hủy do Mỹ dùng chất khai hoang và các loại chất độc hoá học khác. Hơn 25 năm khôi phục và trồng rừng phủ xanh đồi trọc, hiện nay huyện Vĩnh Cửu là địa phương có diện tích đất rừng và đất lâm nghiệp lớn nhất trong tỉnh Đồng Nai với diện tích 72.799 ha (lâm trường nguyên liệu giấy Trị An 5.330 ha, lâm trường Hiếu Liêm 18.345 ha; lâm trường Mã Đà 26.966 ha, lâm trường Vĩnh An 21.735 ha)

Về khoáng sản, Vĩnh Cửu có cát xây dựng được khai thác dọc theo sông Đồng Nai ở xã Thiện Tân; mỏ đất sét ở Thiện Tân, Đại An, Trị An dùng để sản xuất vật liệu xây dựng; mỏ đá (xây dựng) ở Bình Hoà, Thiện Tân, Cây Gáo. Ngoài ra, Vĩnh Cửu còn có mỏ đá Puzolan, một phụ gia quan trọng cho việc sản xuất xi măng ở Bình Hoà, Vĩnh Tân, Cây Gáo, Tân An, Bà Miêu... Đây là một trong những tiềm năng có thể khai thác ở huyện để phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế địa phương.

### III. ĐỊA LÝ KINH TẾ.

Nam bộ là vùng đất mới, dân còn thưa. Để đẩy nhanh tốc độ khẩn hoang, phát triển kinh tế, các vương triều nhà Nguyễn đã thực hiện chính sách khẩn hoang thông thoáng bằng cách cho phép “mọi người phân chiếm ruộng đất”. Bên cạnh đó, các chúa Nguyễn

còn chiêu mộ những người “có vậ lực” vào khai phá có quy mô lớn hơn trước. Nhà Nguyễn đã cho lập những đồn điền, khuyến khích binh sĩ tại ngũ khẩn hoang những vùng đất lâu nay bỏ hoang vì chiến tranh. Chính sách khẩn hoang thông thoáng đó làm cho bộ mặt kinh tế của Trấn Biên nhanh chóng thay đổi theo hướng phát triển. Những vùng sông rạch thuận lợi như Bến Cá (Tân Bình), cù lao Tân Triều... nhanh chóng trở thành những đầu mối giao lưu trao đổi mua bán các loại hàng lâm, ngư, nông sản địa phương. Các chợ Bến Cá (Tân Bình), Cây Đà (Thạnh Phú), Dỏ Sa (Bình Lợi)... của Vĩnh Cửu đến đầu thế kỷ 20 vẫn còn là một trong những chợ có tính chất đầu mối trong tỉnh Biên Hoà.

Theo Phủ Biên tạp lục của Lê Quý Đôn, đến cuối thế kỷ thứ XVIII, ruộng thực trưng ở Biên Hoà – Đồng Nai đã hơn 786 mẫu, chưa kể cả khoảng ruộng núi, đất trồng dâu, mía, trầu và ruộng các kiếng họ lớn, ruộng quan đồn điền. Theo địa bạ Biên Hoà năm 1836, trong số 14.129 mẫu khai khẩn trong toàn tỉnh Biên Hoà, thì huyện Phước Chánh (ức Vĩnh Cửu) chiếm đến 3.342 mẫu (1 mẫu = 0,5 ha Đất ven sông Đồng Nai thuộc hai tổng Phước Vinh Trung, Phước Vinh Hạ tương đối phì nhiêu được trồng lúa. Phước Chánh là nơi có ruộng thấp, đất cao được người dân bố trí lịch canh tác: ruộng đất thấp cấy cấy tháng 6, gặt tháng 9; ruộng đất cao cấy tháng 7, gặt tháng 11. Còn các loại hoa màu khác như đậu thì gieo vào tháng 4, thu hoạch tháng 6; bắp gico cùng thời điểm nhưng thu hoạch trễ

hơn một tháng; mía trồng tháng 1, thu hoạch tháng 12<sup>(1)</sup>.

Ngoài trồng lúa, người dân ở vùng đất Vinh Cửu còn trồng dâu, mía, các loại khoai, các loại cây ăn trái. Sách Đại Nam nhất thống chí cho biết mía huyện Phước Chánh tỉnh Biên Hoà rất nổi tiếng. Mía thơm ngọt ở đây dùng chế biến đường cát trắng nổi tiếng khắp Nam bộ. Hàng năm, lượng đường bán cho các thương lái tới 630.000 cân (= 390 tấn)<sup>(2)</sup>. Cù lao Tân Triều xưa nổi tiếng với nghề trồng trầu. Bưởi Tân Triều từ xưa nổi tiếng là bưởi Biên Hoà, với nhiều loại như thanh trà, bưởi đường (đường da láng, đường lá cam), bưởi xiêm, bưởi ổi. Bưởi Biên Hoà từng được ví với những món ngon, thắng cảnh nơi khác:

*Biên Hoà có bưởi thanh trà*

*Thủ Đức nem nướng, Điện bà Tây Ninh*

Vinh Cửu là nơi có nghề thủ công khá phát triển. Khu vực từ Bửu Long lên Bình Hoà, Bình Ý, Bình Phước, Tân Phong...xưa có mỏ đá ong (phong thạch). Khi đất còn chưa ráo, người thợ có thể chặt ra thành khối tùy theo thước tắc rộng dài tùy ý, khi đất khô lại thành đá rắn chắc, có thể dùng để xây vách tường, sân hè, cừ sông, làm phần mộ. Đá ong Vinh Cửu thường được các tỉnh miền Tây Nam bộ ưa dùng. Địa danh Lò

---

(1). Nguyễn Thế Anh – Kinh tế và xã hội dưới triều các vua Nguyễn – Nxb Lửa Thiêng 1971. Trích lại trong “Biên Hoà --Đông Nai 300 năm hình thành và phát triển”.Nxb Đồng Nai 1998, tr 106.

(2) Sách đã dẫn, trang 107.

thời ở Tân Phú có lẽ là nơi phát triển của nghề rèn đúc kim loại xưa ở Vinh Cửu.

#### IV. ĐỊA LÝ NHÂN VĂN.

Vinh Cửu là địa bàn cư trú lâu đời của người cổ xưa. Nhiều khu vực không xa Vinh Cửu như Mỹ Lộc (hữu ngạn sông Đông Nai), Cù lao Đùa (Tân Uyên), Dốc Mơ (Thống Nhất), Cái Vạn (Long Thành)... đã được khai quật và đã phát hiện nhiều di chỉ khảo cổ đồ đá, đồ đồng.

Trong khi khai thác cát ven sông Đông Nai, người dân Tân Triều đã phát hiện nhiều di vật khảo cổ, nhưng hầu hết những hiện vật này không nằm trong tầng văn hoá cổ nên khó đoán định được về niên đại. Nhiều hiện vật đã bị tẩu tán. Bể tầng Đông Nai còn lưu giữ lại một số hiện vật khảo cổ, trong đó có 1 bát đồng mang phong cách Đông Sơn hình dáng khá độc đáo. Trong quá trình khai khẩn đất làm ruộng, rẫy, nhiều người dân ở Bình Phước, Tân Triều, Bình Thạnh, Thiện Tân phát hiện những di vật khảo cổ bằng đá như rìu đá, rìu có vai, rìu bốn tứ giác và nhiều mảnh gốm, sứ. Những phát hiện này có thể cho biết rằng cách đây trên dưới 4.000 năm, người xưa đã đến cư trú trên vùng đất này, cùng nằm trong hệ thống của nền văn minh Đông Nai.

Ở Cẩm Vinh (Tân Triều), một gia đình trong quá trình làm vườn đã phát hiện nhiều hiện vật đá, gốm, sứ, đồng thau, trong đó có 2 đồng tiền đồng thau có



dúc chữ nổi: Gia Long thông bảo, Minh Mạng thông bảo. Trong hàng gốm sứ, nhiều nhất là các loại đĩa men hoa lam thời nhà Thanh (Trung Quốc) thế kỷ 18, 19 và gốm men lam Huế thế kỷ 19. Trên các mảnh đáy tròn đĩa hay bát thường có ghi 2 chữ: Hoà Minh, Tân Hưng, Hiệp Hưng, Nguyên Y, Kim Thông, Thổ Đáng và nhiều ký hiệu khác (1).

Năm 1985, trong chương trình điều tra khảo cổ học khu vực ngập nước lòng hồ Trị An, các nhà khảo cổ đã phát hiện nhiều di tích hoặc vết tích văn hoá Óc Eo trên địa bàn Vinh Cửu.

Các di tích khảo cổ học Gò Ông Tùng, Gò Chiêu Liêu, Cây Gáo I và Cây Gáo II được xây dựng bằng gạch mộc (gạch phơi khô hoặc nung), có bình đồ kiến trúc hình chữ nhật, chính giữa xây huyệt thờ hình vuông, bên trong nện chặt đá, cát, gạch. Bên trên kiến trúc có mái che bằng gỗ, tre lá. Các nhà khảo cổ xác định khung niên đại những di tích này từ thế kỷ thứ I đến thế kỷ thứ III sau công nguyên (2).

Niên đại khá sớm của những di tích này cho thấy Vinh Cửu có thể là điểm khởi đầu của nền văn hóa Óc Eo đã một thời kỳ phát triển ở miền Tây Nam bộ vào thế kỷ thứ III, thứ IV sau công nguyên. Và cư dân ở đây có thể là thuộc quốc của Phù Nam, ảnh hưởng văn hoá Óc Eo thông qua đạo Hindu, Ấn Độ giáo.

---

(1) Bên Cá xưa và nay. Sách đã dẫn, trang 45

(2) Theo "Biên Hoà - Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển". Sách đã dẫn, trang 59

Ở những địa điểm khảo ố Rạch Đông, Đồng Bơ, Suối Ràng đã phát hiện những di tích kiến trúc, tượng thờ có khung niên đại từ thế kỷ thứ VI đến thế kỷ thứ X sau công nguyên. Như vậy, có thể thấy đây là khu vực thuộc không gian văn hoá Óc Eo, nhưng phát triển có tính độc lập hơn, bởi văn hoá Óc Eo ở đồng bằng sông Cửu Long đã suy tàn và thế kỷ thứ VI, VII.

Nhân dân huyện Vĩnh Cửu mang tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, ông bà, nhiều lễ nghi như cưới hỏi, tang lễ... còn giữ được tập tục truyền thống như nhân dân ở Nam bộ, nhưng có đơn giản hơn, phù hợp với cuộc sống mới. Trong mỗi nhà ở của người dân, thường nơi trang trọng nhất dành cho việc đặt bàn thờ cúng ông bà, tổ tiên, nhiều vùng có nhà từ cờng như ở Tân Triều, Bến Cá, Bình Phước (nhưng cũng chỉ từ năm 1954 trở lại đây). Việc trang trí bàn thờ cũng không khác so với các vùng quê ở Nam bộ, hàng năm việc kỵ giỗ được tổ chức trang trọng, thể hiện tình thần tôn trọng gia tiên, là dịp sum họp các thế hệ trong gia tộc. Nhiều gia đình, ngoài việc thờ tổ tiên còn thờ cúng Quan Công, thổ công, thổ địa, ông ieo, thờ Bà (thờ mẫu).

Lưu dân Việt từ miền Trung, miền Bắc vào, vốn hoài niệm về quê cha đất tổ, giữ gìn truyền thống dân tộc, do đó khi vào Vĩnh Cửu, cần kết tương trợ nhau, từ đó hình thành tín ngưỡng gắn với cộng đồng xã hội, phổ biến xoay quanh việc xây dựng thờ cúng ở đình, miếu. Đình, miếu ở Vĩnh Cửu ý nghĩa đó không chỉ là nơi thờ cúng, tế tự, mà còn là nơi diễn ra những sinh hoạt tinh thần mang tính cộng đồng. Qua việc

xây dựng đình, miếu cũng phần nào thể hiện được quá trình hình thành sớm hay muộn của xã ấp, hoặc vùng đất. Hầu hết các xã trong huyện Vinh Cửu đều có đình làng, đặc biệt như xã Tân Bình có đến 12 đình. Hầu hết đình thờ những vị phúc thần, Thành hoàng bốn cảnh, hoặc những anh hùng dân tộc có công với dân tộc, đất nước. Mỗi đình hàng năm đều có lễ kỳ yên riêng. Trong việc cúng lễ thường tổ chức hình thức diễn xướng nghệ thuật truyền thống dân gian như xây chầu đại bội ở lễ kỳ yên cúng đình và hát múa Địa nàng- bóng rối ở lễ hội cúng miếu (1).

Ngoài tín ngưỡng truyền thống, Vinh Cửu là nơi đạo Phật và Thiên chúa phát triển khá sớm so với nhiều vùng ở Nam bộ.

Một trong những ngôi cổ tự nổi tiếng là chùa Kim Cang ở Tân Bình. Chùa là nơi tổ Nguyễn Thiều, Siêu Bạch, nguyên dòng Lâm Tế đời thứ 33, sơ tổ dòng Lâm Tế Việt Nam. Chùa bị tàn phá bởi chiến tranh vào năm 1945, năm 1962 được nhân dân xây lại trên nền chùa Thanh Long. Theo Việt Nam Phật giáo sử lược của Mật Thế xuất bản năm 1960, Nguyễn Thiều họ Tạ, quê ở Trịnh Hương, Triều Châu, tỉnh Quảng Đông, xuất gia lúc 19 tuổi và sang Việt Nam năm 1665, viên tịch ngày 19/10. Theo Lược sử Phật giáo Việt Nam 1993, thì Nguyễn Thiều viên tịch năm 1721, thọ 81 tuổi. Tại chùa Kim Cang có một ngôi tháp có tên

---

(1) Một trong những nghệ nhân múa bóng rối nổi tiếng ở xã Tân Bình là "Bà bóng Tời", tục danh là Bùi Văn Tời.

gọi là tháp Sớ Khinh Kim Cang hay còn gọi là tháp Nguyên Thiệu. Chưa biết là tháp vọng hay tháp thật, cần phải nghiên cứu thêm. Tháp được xây 3 tầng, 6 cạnh, trước tháp có một bia bằng đá xanh có ghi: *Quốc Ân Kim Cang đường thượng tam thập tam thế hùy Siêu Bạch Hoán Bích tổ sư cư mộ* (Mộ của tổ sư chùa Kim Cang Quốc Ân, đời thứ 3, húy Siêu Bạch Hoán Bích).

Tân Triều huyện Vĩnh Cửu cũng là địa bàn đạo Thiên chúa được truyền bá sớm từ thế kỷ 18. Năm 1778, khi chủng viện Hòn Đất (Kiên Giang) bị tàn phá, giám mục Bá Đa Lộc di dời cơ sở về tại Tân Triều, là một trung tâm truyền giáo đạo Thiên chúa sớm và quan trọng ở Đàng Trong. Nhà thờ đã nhiều lần được trùng tu, sửa chữa. Từ 1778 đến nay, nhà thờ đã trải qua 38 giám mục, linh mục cai quản. Nhà thờ có diện tích 475 m<sup>2</sup>, nền cao trên 1m bằng đá ong. Nhà thờ có hai chuông lớn được đúc năm 1866 và 1897. Tháp chuông nhà thờ cao 5,47m được xây dựng từ năm 1873 mang phong cách châu Âu, với lối kiến trúc thủ công độc đáo, có thể nói là một công trình kiến trúc nghệ thuật phản ánh mối giao lưu văn hoá buổi đầu tiếp xúc giữa hai nền văn hoá Đông - Tây. Ngày 24-6-1994, tháp chuông được xây dựng lại, hoàn thành ngày 24-6-1995, cao 20m.

Nhân dân huyện Vĩnh Cửu bao gồm nhiều giai cấp như nông dân, từ xưa vốn sống với nghề hạ bạc, trồng trọt, chăn nuôi, đa số là nông dân nghèo, làm thuê, làm mướn, cuộc sống thiếu thốn trước hết sau. Một bộ

phận sinh sống bằng nghề thú công như thợ đục đá, thợ rèn, kiếm ăn từng bữa một. Một bộ phận tiểu tư sản trí thức, làm công chức cho Pháp như kiếm lâm, đốc học, thầy giáo. Trọng đội ngũ trí thức đó, trước năm 1945 đã nổi lên với nhà văn Lý Văn Sâm (1921) ở làng Bình Long, sau này trở thành nhà văn nổi tiếng với “chuyện đường rừng”, tham gia cách mạng trước năm 1945, trở thành Tổng thư ký đầu tiên của Hội Văn nghệ giải phóng miền Nam, Chủ tịch Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Đồng Nai. Nhà văn Hoàng Văn Bốn (1930) cũng người làng Bình Long (nay là xã Bình Lợi), đi kháng chiến năm 1945, thầy giáo, nhà văn từng đoạt nhiều giải thưởng văn học lớn trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ trong nước; Chủ tịch Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Đồng Nai

Huyện Vĩnh Cửu cũng là nơi sớm ra đời đội ngũ giai cấp công nhân. Năm 1910, phủ Toàn quyền Đông Dương cấp cho tập đoàn BIF (Công ty Biên Hoà kỹ nghệ và lâm nghiệp) vùng đất nhượng 28.000 ha để khai thác cây rừng phục vụ cho việc chế biến gỗ xuất khẩu của nhà máy BIF Biên Hoà; về sau mở ra 3 tiểu khu, rồi năm 1925, 1926 thành 3 đồn điền cao su Cây Gáo, Trảng Bom, Túc Trưng thuộc công ty cao su LCD của tư bản Pháp (Công ty cao su Đồng Nai).

Việc phá rừng trồng cao su chủ yếu dựa vào thủ công, nguồn nhân lực tại chỗ không đủ, tư bản Pháp cho mộ phu công tra từ các tỉnh miền Trung, miền Bắc vào khai thác. Ngoài việc phải chịu đựng thời tiết khắc nghiệt với những cơn sốt rét rừng, người công

nhân cao su ở Vinh Cửu còn phải chịu đựng chế độ lao động khổ sai, đi làm khi trời chưa sáng đến tối mịt mới về lán trại, lương không đủ sống, bệnh đau không thuốc uống, lại thường xuyên bị cai, xu đánh đập, thật là:

*Bán thân đổi mấy đồng xu*

*Thịt da vùi gốc cao su mấy tầng.*

(Thơ Tố Hữu)

Từ sau năm 1954, nhiều sở cao su tư nhân ở Vinh Cửu được thành lập, công nhân hầu hết là người tại chỗ, như các sở: Thầy Tư (Nguyễn Văn Nghi), Trần Quang Nghiêm, Nguyễn Văn Mun, Đốc phủ Thanh (Võ Hà Thanh), Lý Thành Lai, Khuê Hoà, Lê Hựu Cơ (tức sở Bà Bành)...

Cuộc sống khổ cực tủi nhục, lại xuất thân từ giai cấp nông dân không có ruộng đất bị địa chủ phong kiến bóc lột, nên công nhân cao su ở Vinh Cửu có tinh thần dân tộc, yêu nước và đấu tranh chống áp bức, bóc lột.

## V. TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH.

Vinh Cửu là vùng đất mới, dân cư tụ về từ nhiều địa phương, tuyệt đại bộ phận là những người nông dân nghèo khổ cần cù, yêu tự do, phải luôn đối mặt với lam sơn chướng khí, thiên nhim khắc nghiệt, thú dữ. Họ mang theo truyền thống đấu tranh vào vùng đất mới cộng với quá trình thực tiễn đấu tranh để sinh tồn đã



góp phần định hình tính cách riêng đáng quý, là tình yêu quê hương, ý chí kiên cường bất khuất, chống áp bức bất công, tinh thần tự lực tự cường, đoàn kết tương thân tương ái, trung thực, khăng khải...

Những đặc điểm truyền thống, tính cách đó đã góp phần tạo nên sức mạnh của tinh thần chiến đấu bền bỉ, quật cường trong suốt cuộc trường chinh chống các thế lực ngoại xâm và bọn tay sai bán nước.

Xóm Đồn, Xóm Cháy (Tân Định) là nơi một bộ phận quân triều đình nhà Nguyễn do Nguyễn Tri Phương chỉ huy đã lui về xây dựng căn cứ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược khi thành Kỳ Hoà thất thủ năm 1861.

Năm 1914, chiến tranh thế giới lần thứ I bùng nổ. Thực dân Pháp ráo riết bắt thanh niên thuộc địa đi lính và đưa sang chiến trường châu Âu chiến đấu với danh nghĩa “bảo vệ mẫu quốc”. Nhiều thanh niên thuộc các tổng Chánh Mỹ Trung, Phước Vinh Thượng, Phước Vinh Trung, Phước Vinh Hạ đã bị bắt giam ở các nhà làng để chờ xuống tàu sang chiến trường Pháp.

Bất bình trước cảnh mất nước, nhà tan, không chịu khuất phục trước kẻ cướp nước, một nhóm thanh niên nhiệt huyết yêu nước đã tổ chức ra Trại Lâm Trung, một tổ chức bí mật với tôn chỉ đuổi Pháp. Trại bí mật tập hợp thanh niên, rèn đúc vũ khí chờ ngày hành sự, trước mắt là tập kích các nhà làng giải cứu thanh niên bị bắt rồi tấn công vào dinh Tham biện Biên Hoà.

Ngày 24-1-1916, Trại Lâm Trung tổ chức tấn công các nhà làng Tân Trạch, Tân Triều Tây... giải cứu nhiều thanh niên bị thực dân Pháp bắt. Ngày 25-1-1916, nghĩa quân Trại Lâm Trung tấn công vào khám đường Biên Hoà, giải cứu thanh niên bị giam giữ, sau đó tấn công vào dinh tỉnh trưởng, cướp được 12 khẩu súng tiểu thương (thương hiệu 192 và tịch thu 39 bì thuốc đạn). Tuy nhiên, do vũ khí thô sơ, nghĩa quân không thể chống cự với quân Pháp đông hơn và có vũ khí. Cuộc khởi nghĩa không thành nhưng gây tiếng vang rất lớn.

Hồ sơ lưu trữ "Vụ án xử bọn làm ngụy tại tỉnh Biên Hoà" mang số hiệu Q8°13 (trong thư tịch Viện Đông Bắc cổ của Pháp đã mô tả lời phiên toà ngày 27-4-1916, xét xử 66 người của Lâm Trung Trại bị bắt như sau (1):

Hội đồng xét xử của Pháp Biên Hoà cho rằng mục đích của cuộc tấn công do Trại Lâm Trung tổ chức "chủ ý có một điều: muốn xịch khứ người Lang sa (Pháp) ra khỏi Đông Dương này. Quân làm ngụy tại Biên Hoà trong ngày 25-1-1916 đã khởi sự làm loạn rồi. Có kẻ đánh vào, lại có kẻ tung ngục vượt ngục đánh ra." Lời kết tội của thực dân cho chúng ta thấy rõ rằng Trại Lâm Trung là một tổ chức yêu nước có vũ trang, có tôn chỉ mục đích hoạt động và cuộc tấn công có tổ chức khá chu đáo.

---

(1) Trần Thái Bình: Cuộc nổi dậy phá ngục Biên Hoà năm 1916. Tạp chí "Xưa và nay" số 52b năm 1998.

Toà án thực dân Pháp đã tuyên án như sau:

+ *Xử tử 9 người:*

Lê Văn Sót, Nguyễn Văn Tiết, Nguyễn Văn Nam, Lê Văn Khánh, Tu Văn Phan, Cao Văn Lét, Nguyễn Văn Nhan, Phạm Văn Hậu, Nguyễn Văn Hy.

+ *Xử tử vắng mặt 8 người:*

Nguyễn Văn Tung, Nguyễn Văn Dương, Nguyễn Văn Tông, Nguyễn Văn Ngọc, Vương Văn Xương, Nguyễn Văn Ty, Nguyễn Văn Chung, Võ Văn Lét.

+ *Khổ sai chung thân 11 người:*

Lê Văn Hộ, Nguyễn Văn Vàng, Phạm Văn Viên, Nguyễn Văn Thịnh, Lý Văn Thôi, Tống Văn Khôi, Ngô Văn Tiên, Tống Văn Xe, Ngô Văn Trân, Nguyễn Văn Lựu, Nguyễn Văn Hy.

+ *20 năm khổ sai 2 người:*

Lê Văn Hà, Nguyễn Văn Thạch.

+ *10 năm tù 1 người:*

Huỳnh Văn Dinh.

Những người yêu nước của Trại Lâm Trung bị thực dân Pháp kết án, là minh chứng của lòng yêu nước, kiên trung bất khuất của những người dân Vinh Cửu trước kẻ thù cướp nước thực dân Pháp.

Thực dân Pháp đã lập trường bắn tại cây Gô cụt (ngã ba Dốc Sỏi) để thi hành án tử hình với 9 người yêu nước của Trại Lâm Trung. Thương tiếc và khâm

phục nghĩa khí, hy sinh anh dũng của những nghĩa sĩ Lâm Trung, nhân dân đã lập miếu thờ phụng. Sau, nhân dân xây dựng lên đền chùa gọi là chùa Cô hồn, nay là Bửu Hưng tự ở thành phố Biên Hoà.

Huyện Vinh Cửu đất rộng, người không đông (đến 1975, dân số huyện Vinh Cửu chỉ trên 40 ngàn), nhưng có vị trí chiến lược về chính trị, quân sự. Về giao thông, Vinh Cửu có đường sông Đồng Nai, liên tỉnh lộ 24 chạy cặp sông Đồng Nai dài 40km nối liền thành phố Biên Hoà lên Trị An, đường Thiệu Tân từ Hồ Nai lên nhà máy nước Thiệu Tân, đường từ ngã ba chợ Sặt lên Trị An. Vinh Cửu là chiến trường trọng điểm của tỉnh Biên Hoà có tác dụng uy hiếp và kiềm chế rất quan trọng đối với kẻ thù, là vành đai án ngữ cửa ngõ chiến khu Đ về phía nam; đồng thời là hành lang giao liên quan trọng từ chiến khu Đ qua lộ 1 xuống Long Thành, Bà Rịa. Vinh Cửu lại nằm sát ngay thành phố Biên Hoà về phía bắc, nơi đóng nhiều căn cứ chỉ huy đầu não của địch ở miền Đông Nam bộ; do đó, Vinh Cửu là bàn đạp quan trọng để các lực lượng vũ trang cách mạng tiến công ào sâu bay chiến lược Biên Hoà và các kho tàng, căn cứ quân sự lớn của Pháp, Mỹ, ngụy; đồng thời là chiến trường rất thuận lợi cho những trận đánh lớn, mục kích, tập kích sâu vào hậu cứ của địch, là chiến trường lý tưởng cho tác chiến du kích và đánh lớn. Nhân dân Vinh Cửu có truyền thống yêu nước, rất thuận lợi cho việc xây dựng phát triển lực lượng cách mạng, xây dựng phong trào

chiến tranh nhân dân; đồng thời là nơi cung cấp sức người sức của cho công cuộc kháng chiến.

Trong những năm 30 của thế kỷ 20, huyện Vinh Cửu (lúc đó là quận Châu Thành, Biên Hoà), là cái nôi của phong trào cách mạng tỉnh Biên Hoà. Thời kỳ Mặt trận Dân chủ Đông Dương (1936-1939), dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Vinh Cửu đã dấy lên phong trào đấu tranh sôi nổi, là bước tập dượt quan trọng để nâng cao nhận thức cách mạng và hình thức đấu tranh.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ (1945-1975), Đảng bộ và quân dân huyện Vinh Cửu đã kiên cường bám trụ địa bàn, phát huy tinh thần tự lực tự cường, sáng tạo trong chiến đấu, kết hợp lực lượng vũ trang địa phương với chủ lực, kết hợp 3 mũi đấu tranh đẩy lui địch từng bước, giành thắng lợi từng phần, tiến lên đánh bại địch hoàn toàn, góp phần vào thắng lợi chung, giải phóng miền Nam thống nhất Tổ quốc.

Phát huy truyền thống yêu nước, đấu tranh cách mạng, trong 25 năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (1975-2000), Đảng bộ và quân dân Vinh Cửu đã vượt qua nhiều khó khăn, ra sức hàn gắn vết thương chiến tranh, vừa xây dựng vừa học tập, từng bước phát triển huyện về kinh tế, văn hoá, xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, góp phần xây dựng một tỉnh Đồng Nai giàu mạnh, công bằng, văn minh.

PHẦN I  
THỜI KỲ ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH  
QUYỀN (1930— 1945)



## **Chương I**

### **TỪ CHI BỘ CỘNG SẢN ĐẦU TIÊN ĐẾN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM - 1945**

#### **I. CHI BỘ ĐẢNG CỘNG SẢN BÌNH PHƯỚC - TÂN TRIỀU.**

Đầu thế kỷ 20, các phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam theo hệ tư tưởng phong kiến, dân chủ tư sản đều thất bại. Cách mạng Việt Nam lâm vào cuộc khủng hoảng sâu sắc về đường lối.

Trong bối cảnh đó, với lòng yêu nước nồng nàn, quyết tìm ra con đường cứu dân cứu nước, năm 1911, người thanh niên Nguyễn Tất Thành (tức Nguyễn Ái Quốc) đã xuống tàu ra đi tìm đường cứu nước. Người đã đến các nước châu Âu, châu Phi, châu Mỹ, vừa học tập, vừa tham gia tổ chức người Việt yêu nước ở hải ngoại. Năm 1917, Người gia nhập Đảng Xã hội Pháp. Từ luận cương của Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa, Người đã tìm ra con đường cứu nước duy nhất đúng. Đó là con đường cách mạng vô sản.

Năm 1920, Nguyễn Ái Quốc trở thành đảng viên

Đảng Cộng sản Pháp và là người cộng sản Việt Nam đầu tiên. Đây không chỉ là bậc ngoặt tư tưởng quan trọng của Người, mà còn là ước ngoặt đối với cách mạng nước ta. Năm 1925, Người thành lập tổ chức Việt Nam Thanh niên cách mạng (tức Việt Nam Thanh niên cách mạng Đồng chí hội) là tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam và liên tục mở các lớp huấn luyện cán bộ cách mạng cho Việt Nam, chuẩn bị những điều kiện về lý luận, tư tưởng và tổ chức để tiến tới thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Năm 1928, tổ chức Việt Nam Thanh niên cách mạng Kỳ bộ Bắc kỳ đã cử đồng chí Nguyễn Văn Vĩnh, tức Nguyễn Xuân Cừ về đồn điền cao su Phú Riềng công tác để gây dựng cơ sở. Tháng 10-1928, chi bộ Việt Nam Thanh niên cách mạng được thành lập tại đồn điền cao su Phú Riềng, do đồng chí Nguyễn Xuân Cừ làm Bí thư.

Đến giữa năm 1929, tại Việt Nam đã hình thành 3 tổ chức Đảng Cộng sản. Đồng chí Ngô Gia Tự, Ủy viên chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đảng được phân công vào Sài Gòn để xây dựng cơ sở Đảng. Đồng chí đã liên lạc với đồng chí Nguyễn Xuân Cừ và trao Điều lệ Đảng để chuẩn bị tuyên truyền thành lập tổ chức Đảng.

Tháng 10-1929, tại một khoanh rừng làng 3, chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng Phú Riềng được thành lập do đồng chí Nguyễn Xuân Cừ làm Bí thư. Đây là chi bộ Cộng sản đầu tiên thành lập ở tỉnh Biên Hoà và

ngành cao su Việt Nam. Ngày 3-2-1930, dưới sự lãnh đạo của chi bộ, 5.000 công nhân sở cao su Phú Riềng đã nổi dậy đấu tranh thắng lợi. Cuộc đấu tranh này có ảnh hưởng sâu rộng đến phong trào cách mạng ở quận Châu Thành Biên Hoà, mở ra một cao trào đấu tranh mới trong cả nước.

Ngày 3 đến 6-2-1930, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã chủ trì cuộc hội nghị hợp nhất 3 tổ chức Đảng trong nước. Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập. Đây là một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử đấu tranh cách mạng của dân tộc ta.

Liên tục trong năm 1930, công nhân sở cao su Phú Riềng và công nhân nhà máy cưa BIF (Tân Mai, Biên Hoà) và Trắng Bom đã đấu tranh đòi quyền lợi dân sinh thắng lợi. Nhiều cuộc mít tinh chào mừng ngày Quốc tế Lao động 1/5, chào mừng cách mạng tháng Mười Nga được tổ chức ở thị trấn Tân Uyên, sở cao su Phú Riềng, nhà máy cưa BIF. Tất cả tạo nên một không khí sôi nổi, ảnh hưởng đến tinh thần yêu nước và cách mạng của nhân dân quận Châu Thành. Tiếng vang của phong trào lan nhanh, nhất là trong tầng lớp thanh niên học sinh ở các tổng Phước Vĩnh Trung, Phước Vĩnh Hạ... Trong đó có người thanh niên yêu nước Lưu Văn Viết quê ở Bến Cá.

Đồng chí Lưu Văn Viết (bí danh Tư Chà) hoạt động ở Sài Gòn và một số tỉnh miền Tây Nam bộ, trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương và trở về Biên Hoà để gây mầm mống cách mạng.

Về lại quê hương, đồng chí Tư Chà dưới lớp áo người đi bán bánh mì với chiếc xe đạp cũ, đã đi khắp các xã trong hai tổng Phước Vĩnh Trung, Phước Vĩnh Hạ, đến đâu đồng chí tuyên truyền về chủ nghĩa Cộng sản đến đó. Tại bệnh viện TânThân, đồng chí đã giác ngộ và kết nạp vào Đảng người em trai mình là Lưu Văn Văn (Chín Văn). Tại Bến Xá (Bình Phước), đồng chí đã kết nạp đồng chí Huỳnh Văn Phan (Tư Phan)...

Sớm giác ngộ Cộng sản, đồng chí Lưu Văn Viết là người đầu tiên mang ánh sáng cách mạng đến với nhân dân quận Châu Thành, Biên Hoà. Cơ sở cách mạng do đồng chí xây dựng tuy chưa nhiều và rộng, nhưng đó là những hạt nhân tốt cho việc xây dựng cơ sở Đảng sau này ở địa phương

Đầu năm 1935, đồng chí Hoàng Minh Châu (tức Vỹ, quê ở tỉnh Tiền Giang) được Liên Tỉnh ủy miền Đông cử về hoạt động ở Biên Hoà. Tại Châu Thành, đồng chí bắt được liên lạc với đồng chí Tư Chà và nắm lại những cơ sở do đồng chí Tư Chà xây dựng trước đó. Trên cơ sở này, đồng chí Hoàng Minh Châu đã thành lập chi bộ Đảng Cộng sản Bình Phước - Tân Triều. Chi bộ do đồng chí Hoàng Minh Châu làm Bí thư, đồng chí Tư Phan làm Phó Bí thư, gồm các đảng viên Lưu Văn Văn, Lưu Văn Viết, Quách Tử; Quách Sanh, Trần Minh Triết. Đây là chi bộ Cộng sản đầu tiên được thành lập ở quận Châu Thành và tỉnh Biên Hoà, là hạt nhân lãnh đạo phong trào cách mạng ở tỉnh và là nòng cốt để xây dựng Tỉnh ủy lâm thời Biên Hoà sau này.

Để mở rộng tuyên truyền về chủ nghĩa Cộng sản, xây dựng cơ sở cách mạng, chi bộ phân công hai đồng chí Hoàng Minh Châu và Quách Sanh thành lập “Liên đoàn học sinh” ở trường tiểu học Bình Hoà. Trường tiểu học Bình Hoà là trường chung cho cả tổng Phước Vĩnh Trung, học sinh các xã Bửu Long, Bình Hoà, Bình Phước, Bình Ý, Tân Phong, Tân Triều đều học ở đây.

Liên đoàn học sinh tập hợp gần 30 học sinh, là một tổ chức quần chúng của thanh niên nhằm giáo dục tinh thần yêu nước, đoàn kết tương trợ lẫn nhau trong quan hệ hôn, tang tế, trong học tập và sinh hoạt cộng đồng v.v...

Liên đoàn thành lập một đội bóng đá thường xuyên đấu giao hữu với các đội bóng trong và ngoài tổng để mở rộng quan hệ và gây ảnh hưởng trong giới thanh niên học sinh.

Nhiều cuộc du lịch, cắm trại ở suối Lô Ô, Trị An được Liên đoàn tổ chức thu hút nhiều thanh niên tham gia. Những mẩu chuyện về đồng chí Nguyễn Ái Quốc đi tìm đường cứu nước được Liên đoàn khéo léo lồng vào các sinh hoạt. Liên đoàn còn phổ biến các sách báo bí mật để khơi dậy lòng yêu nước của thanh niên. Những hành động áp bức nhân dân của bọn tề, tổng, tiêu biểu là cai tổng Thạch ở Bình Long được truyền nhau để giáo dục tinh thần giai cấp cho thanh niên.

Qua các hoạt động mang tính chất trẻ trung giáo

dục nhẹ nhàng, Liên đoàn đã tạo được phong trào thanh niên, học sinh sôi nổi, li. cuốn nhiều tầng lớp thanh niên ở Phước Vĩnh Trư., Phước Vĩnh Hạ.

Nhân kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 1-5-1935, Liên đoàn học sinh tổ chức rải tuyền đơn ở Bình Hoà, Bình Ý, Bình Thạnh... nội dung ca ngợi tinh thần đấu tranh của giai cấp công nhân. "uy nhiệt tình, nhưng Liên đoàn hoạt động quá côngkhai, trên túi áo các đoàn viên đều thêu 4 chữ tắt "ĐHS, lộ bí mật nên thực dân Pháp phát hiện đượ., truy lùng ráo riết. Đồng chí Quách Sanh bị địch kít trong đợt này. Các đoàn viên còn lại phải chuyển ào hoạt động bí mật. Một số đồng chí trưởng thành, đượ kết nạp vào Đảng vào cuối năm 1935, trong đó c đồng chí Phạm Văn Thuận.

## II. PHONG TRÀO ĐẤU TRINH SÔI NỔI THỜI KỲ MẶT TRẬN DÂN CHỦ ĐÔNG LƯƠNG.

Tháng 4-1936, Mặt trận Nhân dân Pháp có Đảng Cộng sản Pháp làm nòng cốt đ giành được thắng lợi trong cuộc tổng tuyển cử và lên nắm chính quyền tại Pháp. Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp đã ban hành một số chính sách có tính: hất tiến bộ, mở rộng dân chủ ở Đông Dương và Việt Nam.

Mùa hè năm 1936, Hội nghị Trung ương Đảng đã quyết định thành lập Mặt trận Dân chủ Đông Dương tập hợp mọi lực lượng dân chủ tiến bộ đấu tranh chống kẻ thù chủ yếu trước mắt là bọn phát xít Pháp và bọn

phán động thuộc địa Pháp, giành tự do dân chủ, cải thiện dân sinh, chống phát xít xâm lược, bảo vệ hoà bình thế giới.

Ngày 13-8-1936, Ủy ban trụ bị Đông Dương Đại hội được thành lập tại Sài Gòn và chỉ đạo thành lập các Ủy ban hành động ở các tỉnh, thành phố chuẩn bị cho quốc dân đại hội. Chỉ trong vài tháng, toàn Nam bộ đã xây dựng được 600 Ủy ban hành động.

Đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa (tự Xước), người quê Tân Uyên, sinh sống tại Bình Ý, lúc đó đang hoạt động ở Sài Gòn trong nhóm báo La Lutte (Tranh đấu). Được phổ biến chỉ thị thành lập Ủy ban trụ bị Đông Dương Đại hội, đồng chí Nghĩa về Bình Ý cùng các đồng chí Phạm Văn Khoai, Phạm Văn Thuận, Huỳnh Văn Lũy ...thành lập Ủy ban hành động tỉnh Biên Hoà. Trụ sở đặt tại khách sạn Thanh Phong (ngay chợ Biên Hoà). Xã Bình Ý thuộc tổng Phước Vĩnh Trung, quận Châu Thành có thể xem là trung tâm hoạt động của Ủy ban hành động tỉnh. Mục đích hoạt động của Ủy ban là tập hợp dân nguyện, chuẩn bị cho Đông Dương đại hội theo chỉ đạo của Trung ương.

Tạo cơ sở dư luận cho việc thành lập các Ủy ban hành động ở các xã, hai đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa, Phạm Văn Khoai đã cho in và phát hành hàng ngàn truyền đơn mang nội dung:

- Tuyên truyền thắng lợi của Mặt trận Nhân dân ở Pháp và việc tổ chức Đông Dương Đại hội.

- Phổ biến mục đích của Đông Dương Đại hội là tập hợp lực lượng nhân dân cứu tranh đòi tự do dân chủ, tự do ngôn luận, tự do báo chí, chống sưu cao thuế nặng, đòi tăng lương, giảm giá làm cho công nhân.

- Kêu gọi thành lập Ủy ban hành động ở cơ sở, lấy kiến nghị của nhân dân gửi lên đại hội.

Truyền đơn được phát ra khắp nơi trong tỉnh Biên Hoà, tạo nên một không khí sôi nổi trong nhân dân, nhất là trong hai tổng Phước Vinh Trung, Phước Vinh Hạ.

Đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa, người đảng viên Cộng sản Việt Nam của tỉnh Biên Hoà, lần đầu tiên công khai tuyên truyền chủ nghĩa Cộng sản trong toàn tỉnh Biên Hoà. Đồng chí là người đứng ra hô hào, tán thành cuộc vận động đòi tự do dân chủ cho các tầng lớp nhân dân ở quận Châu Thành và Tân Uyên có điều kiện để nói lên nguyện vọng của mình, đòi cải cách dân chủ một cách công khai.

Trong một thời gian ngắn, nhiều Ủy ban hành động ở quận Châu Thành đã được thành lập như Bình Ý, Bình Phước, Tân Phú, Bình Thạnh, Bình Hoà, Tân Triều, Tân Phong, Thiện Tân thuộc quận Tân Uyên)

Ủy ban hành động tỉnh Biên Hoà xây dựng một thư viện lấy tên thư viện Bình dân đặt tại dốc bà Bành, xã Bình Ý. Đây vừa là trụ sở Ủy ban hành động quận, vừa là nơi tuyên truyền và phát hành báo chí tiến bộ, cách mạng như La Lutte, Dân chúng. Hàng



dêm, nhân dân đông nhất là thanh niên nô nức rủ nhau đến đây đọc báo, nghe đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa đọc và dịch báo in bằng tiếng Pháp, nghe tuyên truyền về chủ nghĩa Cộng sản, kêu gọi nhân dân đoàn kết chống áp bức bóc lột, đòi tự do dân chủ...

Đầu tháng 9-1936, cuộc mít tinh đầu tiên đã được Ủy ban hành động tỉnh tổ chức tại Gò Dê, xã Bình Ý. Hơn 200 người dân thuộc các tầng lớp ở quận Châu Thành và Tân Uyên đã đến tham dự.

Lần đầu tiên nhân dân Châu Thành được nghe đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa, đại diện Ủy ban hành động tỉnh diễn thuyết. Đồng chí đã báo cáo tình hình trong nước, ngoài nước, kêu gọi nhân dân ủng hộ Đông Dương Đại hội, đòi chính quyền thực dân, tay sai phải thực hiện các quyền dân sinh, dân chủ: dân được tự do làm ăn, tự do hội họp, đi lại, tự do sinh hoạt báo chí, bỏ thuế thân, giảm thuế môn bài, giảm thuế xe ngựa...

Tên cai tổng Đạm hay tin liền dẫn lính lên định đàn áp. Ủy ban hành động tỉnh đã chuẩn bị trước, cho cơ sở tranh thủ vận động bọn lính không gây khó cho dân, đồng thời biến cuộc mít tinh thành cuộc biểu tình đả đảo cai tổng Đạm, đả đảo cường hào, chống sưu cao thuế nặng...

Lần đầu tiên nhân dân quận Châu Thành (tức Vĩnh Cửu ngày nay) đã dám đương đầu với bọn cai tổng, bọn lính mã tà mà trước đây họ luôn sợ sệt. Trước sự phẫn nộ và khí thế sục sôi của nhân dân, cai

tổng Đạm phải dẫn lính rút lui. Cuộc mít tinh kết thúc bằng cuộc tuần hành về Bến Cá, Cây Đào, Bình Ý.

Đây là cuộc mít tinh cần chúng đầu tiên của nhân dân quận Châu Thành và tỉnh Biên Hoà đòi tự do dân chủ, chống áp bức. Rồi sau, khi nhân dân được tập hợp trong tổ chức có lãnh đạo đã phát huy được sức mạnh đàn áp địch. Kinh nghiệm này được Ủy ban hành động tỉnh triển khai xuống các quận.

Lo sợ trước phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương phát triển rộng trong cả nước, ngày 15-9-1936, thực dân Pháp ra lệnh giải tán các Ủy ban hành động. Đại hội Đông Dương tuy bị ngăn cấm, nhưng phong trào dân chủ ở các quận trở nên khùng khùng vì thế mà giảm sút, trái lại càng mở rộng và được các tầng lớp nhân dân hưởng ứng. Phong trào này đòi hỏi phải có sự lãnh đạo tập trung và thống nhất của Đảng.

Cuối năm 1936, đồng chí Trương Văn Bang, nguyên Bí thư Xứ ủy Nam Bộ năm 1933 được Liên Tỉnh ủy miền Đông cử về lãnh đạo phong trào và xây dựng cơ sở Đảng ở Biên Hoà. Đồng chí Trương Văn Bang về ở nhà đồng chí Tư Hân tại Bến Cá, nơi tập trung đông dân và có phong trào tương đối mạnh. Đồng chí thường xuyên, bí mật đi lại các xã, quận để xây dựng cơ sở Đảng và tuyên truyền chủ nghĩa Cộng sản. Nữ đồng chí Lê Thị Tr., bảy giờ chỉ 10 tuổi, nhưng đã trở thành giao liên đặc lực cho đồng chí Trương Văn Bang, Huỳnh Văn Phan xuống Bình Trước, đi các xã thuộc quận Tân Uym...

Tháng 2 năm 1937, một cuộc họp gồm các đảng viên hoạt động ở hai quận Châu Thành và Tân Uyên được tổ chức tại nhà đồng chí Năm Ông, xã Tân Triều. Hội nghị nhất trí thành lập Đảng bộ Biên Hoà. Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Biên Hoà được thành lập do đồng chí Trương Văn Bang làm Bí thư, các Tỉnh ủy viên gồm các đồng chí: Trần Minh Triết, Huỳnh Văn Phan, Lê Văn Tôn (Năm Tôn), Huỳnh Liễn (Hai Liễn) Nguyễn Hồng Kỳ (Ba Cờ)...

Việc thành lập Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Biên Hoà là một bước ngoặt quan trọng của phong trào cách mạng trong tỉnh. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, phong trào Mặt trận Dân chủ trong tỉnh càng phát triển mạnh, sôi nổi nhất là ở quận Châu Thành .

Nhiều tổ chức quần chúng được Tỉnh ủy thành lập để mở rộng phong trào, xây dựng cơ sở cách mạng:

- Nông hội đỏ do đồng chí Trương Văn Bang trực tiếp xây dựng, tập hợp hơn 300 quần chúng, nòng cốt là những đảng viên Cộng sản như Phạm Văn Khoai, Phạm Văn Thuận (người xã Bình Ý)... và những người lãnh đạo của Ủy ban hành động xã trước đây. Nông hội đỏ được xây dựng từng tổ, hoạt động theo phương châm bất hợp pháp bí mật.

- Công hội đỏ được tổ chức trong các sở cao su, tập hợp công nhân đấu tranh đòi cải thiện đời sống và những quyền lợi thiết thân khác.

- Về hoạt động công khai có hội Lương hữu ở

Bình Ý, Bình Phước, Tân Triều, tập hợp hầu hết số hội viên nông hội đở và các tá.g lớp lao động đóng thuế thân loại vô sản (4đ5). Hội đã quyên tiền lập được một nhà vãng (một tổ chức chuyên lo mai táng cho người từ trần) để giúp đỡ gia đình các hội viên khi có người thân qua đời. Hội nhà vãng đã góp phần đoàn kết nhân dân trong xóm ấp, tạo tình tương thân, tương trợ giữa những người lao động. Khi khiêng tang qua nhà hương chức làng như hương cả, hương cổ, hương quản, tất cả hội viên đều đưa nắm tay phải lên biểu lộ tinh thần đoàn kết, đối lập lạ bọn địa chủ, hương chức áp bức nhân dân.

Tại xã Thiên Tân, hội Âmông cũng được thành lập, hoạt động cùng mục đích như hội Lương hữu ở Bình Ý, Tân Triều, Bình Phước v.v..

- Liên đoàn xe ngựa qui tụ trên 100 chủ xe ở các xã Bình Ý, Bình Phước, Lợi Hoà nhằm mục đích bênh vực và giúp đỡ nhau trong sinh hoạt, đời sống, chống sự áp bức bất công của bọn thu quan.

Có Đảng lãnh đạo, các hệ quần chúng được tổ chức đơn sơ nhưng phong trào cách mạng tại quận Châu Thành đã phát triển mạnh.

Từ tháng 3-1937, bọn phát xít Đức, Ý, Nhật mưu đồ gây chiến tranh đế quốc để chia lại thị trường. Ở Pháp, bọn phản động bước đầu nắm chính quyền, ra tay khủng bố các lực lượng yêu nước và cách mạng. Trung ương Đảng chỉ đạo thành lập Mặt trận Dân chủ Đông Dương để củng cố thắng lợi giành được trong

phong trào Đông Dương Đại hội, đẩy mạnh việc đòi quyền tự do, dân chủ.

Đêm 1-5-1937, tại Gò Máy bay xã Bình Ý, Tỉnh ủy lâm thời Biên Hoà tổ chức mít tinh kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động. Hơn 100 người dân các xã Bình Ý, Bình Phước, Tân Phú đã đến tham dự. Đồng chí Trần Minh Triết thay mặt Tỉnh ủy diễn thuyết, nêu bật tinh thần ý nghĩa lịch sử của ngày lễ, kêu gọi mọi tầng lớp nhân dân đoàn kết chống áp bức bất công.

Đến tháng 6-1937, cuộc đấu tranh của Liên đoàn xe ngựa đã nổ ra. Cùng một ngày, hơn 100 chủ xe ngựa ngưng chạy trên các tuyến đường, đồng thời làm kiến nghị tập thể lên quận Châu Thành với yêu sách: bỏ lệnh xét xe, giảm thuế môn bài xe, được chở 6 hành khách (trước đây, mỗi xe chỉ được chở tối đa là 4 người). Cuộc đấu tranh của Liên đoàn xe ngựa đã giành được thắng lợi, các yêu sách đều được chính quyền thực dân giải quyết.

Trước tình hình phát triển ngày càng rộng, Tỉnh ủy lâm thời đã cử nhiều cán bộ Đảng xuống các xã thông qua những cuộc mít tinh, hội họp, đấu tranh tuyên truyền chủ nghĩa Cộng sản, phân loại đối tượng để phát triển Đảng.

Đến giữa năm 1937, nhiều chi bộ Đảng ở Châu Thành được xây dựng:

- Chi bộ Bình Ý: Gồm các đồng chí Phạm Văn Lạc, Phạm Văn Khoai, Huỳnh Văn Kiêm, Nguyễn Thị Hậu, Phạm Xuân Lép, Phạm Văn Bường.

- Chi bộ Bình Phước: Gồm các đồng chí Quách Tỹ, Quách Sanh, Chín Văn...

- Chi bộ Tân Triều: Gồm các đồng chí Phạm Văn Thuận, Trần Minh Triết, Tư Hân, Năm Ông.

- Chi bộ Thiện Tân: Gồm các đồng chí Đoàn Văn Bi, Nguyễn Văn Phương, Võ Văn Qua, Võ Văn Ngang.

- Chi bộ Bình Hoà: Gồm các đồng chí Tám Niên, Hai Đắc.

Được Đảng lãnh đạo, phong trào đấu tranh dân sinh, dân chủ ở quận Châu Thành tiếp tục phát triển bằng nhiều hình thức phong phú. Các chi bộ đã lãnh đạo và vận động nhân dân hai tỉnh Phước Vĩnh Trung, Phước Vĩnh Hạ tham gia nhiều hoạt động chính trị ở Sài Gòn.

Sáng ngày 28-11-1937, nhân dân các xã Bình Ý, Bình Phước, Tân Triều đại diện quận Châu Thành về dự cuộc mít tinh ở rạp hát Thăm Xương (Sài Gòn, nay là rạp hát Công Nhân) do Xứ ủy Nam kỳ tổ chức. Cuộc mít tinh này biểu dương được sự mạnh mẽ của nhân dân, nói lên tiếng nói đòi thực dân thi hành các quyền tự do dân chủ.

Phong trào Mặt trận Dân chủ ở quận Châu Thành là bước đầu tập dượt quan trọng cho nhân dân sau này trong Cách mạng tháng Tám. Về lãnh đạo, phong trào còn có hạn chế: việc xây dựng mặt trận Đảng và cơ sở bí mật bên trong chưa được đẩy mạnh, hoạt động chưa đúng phương châm như hội viên nông hội (bí

mật) là quần chúng hoạt động công khai ở các Ủy ban hành động. Do đó, bọn tề tổng ở địa phương biết rõ, gây cho phong trào nhiều thiệt hại khi địch khủng bố đàn áp.

Ngày 1-9-1939, phát xít Đức đánh chiếm Ba Lan, mở đầu cho cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai.

Tại Việt Nam, thực dân Pháp tăng cường khủng bố phong trào cách mạng do Đảng Cộng sản lãnh đạo, đồng thời chúng tăng cường bắt lính đưa sang chiến trường Châu Âu để chết thay cho thanh niên “mẫu quốc” Pháp.

Bọn tề, tổng tay sai Pháp lập danh sách tất cả những người có tham gia phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương và cho bọn lính mã tà xuống các xã truy lùng bắt bố cán bộ, nhân dân. Các đồng chí lãnh đạo đấu tranh công khai như Phạm Văn Thuận phải lánh xuống Long Thành, Phạm Văn Khoai xuống Cà Mau, một số đồng chí về Sài Gòn để tiếp tục hoạt động, đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa bị bắt đày đi Bà Rá.

Là trung tâm của phong trào đấu tranh, xã Bình Ý được địch gọi là “xã Cộng sản”. Thực dân Pháp tập trung lực lượng để khủng bố phong trào ở đây. Hàng trăm lính mã tà tinh, quận lũng sục vào xã, áp bắt những người có tham gia phong trào. Ai lưu trữ báo Dân Chúng (tiếng Việt) Le Peuple (Dân Chúng- tiếng Pháp) lập tức bị bắt đi tù vì tội “hoạt động chính trị”.

Hơn hai trăm dân xã Bình Ý, trong đó có những

người lãnh đạo các Ủy ban hành động bị bắt giam ở Biên Hoà, phong trào tại các xã Bình Ý, Bình Phước, Tân Triều v.v... lắng xuống.

Tại quận Châu Thành, thực dân Pháp kết hợp vừa khủng bố phong trào vừa lừa mị nhân dân. Chúng xây dựng một bót mã tà ở ngã ba Bình Ý để thường xuyên theo dõi khủng bố những người chúng tình nghi hoạt động Cộng sản. Hồ Tấn Khoa từ Tây Ninh được thực dân Pháp cất nhắc đưa về làm quận trưởng Châu Thành. Bên cạnh đó, tại tổng Phước Vĩnh Trung, chúng cho Huỳnh Văn Liễu, nguyên đốc học trường Bình Hoà về làm chánh tổng. Thực dân định dùng tiếng “nhà giáo” của tổng Liễu để lừa mị nhân dân, nhất là thanh niên học sinh.

Tại đình Bình Ý, Hồ Tấn Khoa và tổng Liễu đã tổ chức một buổi cầu an. Chúng ép buộc nhiều người tham gia phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương đến dự, chụp ảnh và tung tin dìm là: “Lẽ Cộng sản đầu hàng” nhằm hạ uy thế của Đảng, đánh lừa nhân dân. Nhưng thủ đoạn của địch không thể qua mặt được nhân dân. Phong trào bị đàn áp nhưng nhiều hội viên Nông hội đỏ không bị địch phá hiện đã chuyển sang hoạt động trong các hội quần chúng như hội cấy, gặt ở Bình Ý, hội Lương hữu (Bình Ý), hội Âm công (Thiện Tân)...

Ngày 29-9-1939, Trung ương Đảng, bảy giờ sáng ở Sài Gòn, đã ra thông báo cho các Đảng bộ trong nước: “...Mấy năm gần đây, Đảng ta còn ở thời kỳ đấu



tranh thế thú, ủng hộ các quyền tự do dân chủ đơn sơ của quần chúng và đòi các quyền tự do dân chủ rộng rãi. Nhưng hiện nay, tình hình đã thay đổi nhiều. Hoàn cảnh Đông Dương hiện nay sẽ tiến bước đến vấn đề giải phóng dân tộc, hoàn thành vấn đề ấy mau hay chậm là tùy theo tình hình thế giới và năng lực của các đồng chí”.

Từ ngày 6 đến 8-11-1939, tại xã Tân Thới Nhất (Bà Điểm, Gia Định), Trung ương Đảng mở hội nghị lần thứ VI do đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ chủ trì. Hội nghị đã nhận định tình hình thế giới, tình hình trong nước: Trong điều kiện chiến tranh thế giới đã nổ ra và bọn thống trị thực hiện chế độ phát xít vô cùng tàn bạo, bọn phát xít Nhật lăm le nhảy vào Đông Dương xâm chiếm, thì “bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không có con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ngoại xâm, vô luận da trắng hay da vàng để tranh lấy giải phóng dân tộc”. Hội nghị nêu cao nhiệm vụ giải phóng dân tộc “tất cả mọi vấn đề của cách mạng cả vấn đề điền địa, cũng phải nhằm vào mục đích ấy mà giải quyết”. Hội nghị nhắc nhở: “song phải hết sức tránh những cuộc đấu tranh non, tranh đấu vô phương pháp, vô chuẩn bị, vì như thế tức là đưa quần chúng đến chỗ tự sát uổng mạng”.

Thực hiện Nghị quyết VI Trung ương, từ tháng 3-1940, Xứ ủy Nam kỳ đã hình thành Đề cương khởi nghĩa ở Nam kỳ. Nhưng từ tháng 1 đến tháng 4, nhiều đồng chí Trung ương Đảng đã bị bắt như Nguyễn Văn

Cừ, Lê Duân, Võ Văn Tần... Xứ ủy Nam kỳ mới do đồng chí Tạ Uyên làm Bí thư đã tổ chức hai cuộc họp ở Tân Hương (tháng 7-1940) và Tân Xuân (tháng 9-1940) để bàn về khởi nghĩa ở Nam kỳ. Do có nhiều ý kiến, nên Xứ ủy cử đồng chí Phan Đăng Lưu ra Bắc họp hội nghị Trung ương và xin ý kiến của Trung ương về việc khởi nghĩa. Một mặt, Xứ ủy chỉ đạo các Đảng bộ tỉnh tích cực chuẩn bị vũ trang và tuyên truyền cho việc khởi nghĩa.

Tháng 7-1940, các đồng chí trong Tỉnh ủy lâm thời Biên Hoà như Lê Văn Tú, Tư Phan, Huỳnh Văn Liêng, Nguyễn Hồng Kỳ, Trần Minh Triết v.v... rút vào hoạt động bí mật ở rừng gần Uyên. Tại đây, thực hiện chỉ đạo của Xứ ủy, Tỉnh ủy Biên Hoà quyết định thành lập đội vũ trang để chuẩn bị cho việc khởi nghĩa. Một đội vũ trang khoảng 35 người được thành lập do đồng chí Huỳnh Liêng, Tỉnh ủy viên phụ trách và đồng chí Trần Văn Quý chỉ huy trực tiếp để chờ thời cơ...

Tuy nhiên, do kế hoạch khởi nghĩa ở Nam kỳ đã bị lộ từ bên trên, những ngày cuối tháng 11-1940, thực dân Pháp ở Biên Hoà, Tân Uyên đã ra lệnh giới nghiêm, tăng cường lực lượng đời kho đạn Bình Ý về Thành Tuy Hạ, tăng cường lực lượng soát trong các làng.

Từ sáng 20-11-1940, thực dân Pháp ở Biên Hoà bắt đầu mở những cuộc càn quét vào các khu vực chúng tình nghi có lực lượng khởi nghĩa như Tân Hoà, Tân Tích, Thường Lang... Đêm 23-1-1940, thanh niên, nông